



tóng wū

同屋

noun · roommate

Example Sentences

Wǒ de tóng wū shì gè hěn ān jìng de rén
我的同屋是个很安静的人。

My roommate is a very quiet person.

Wǒ hé tóng wū yì qǐ fēn dān fáng zū
我和同屋一起分担房租。

My roommate and I share the rent.

Trace each character, then write the word on your own.

同	同	同	同	同	同	同	同	同		
屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋
屋										